

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 267/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020, về việc: “Tranh chấp về ly hôn, việc nuôi con chung”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Văn R, sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay tại: M, phường Q, quận M, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Nguyễn Anh H, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay tại: Thôn J, xã W, huyện F, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện F, thành phố Hà Nội.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn R và chị Nguyễn Anh H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn R và chị Nguyễn Anh H, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh R và chị Anh H xác định anh, chị có một con chung là cháu Nguyễn Uy W, sinh ngày 20/3/2014.

+ Giao cho chị Nguyễn Anh H là mẹ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Uy W kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con.

+ Anh Nguyễn Văn R không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Nguyễn Anh H đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn R có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Anh R và chị Anh H không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

2.3. Về công nợ chung: Anh R và chị Anh H xác nhận vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn R chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh R đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0005367 ngày 20/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện F, thành phố Hà Nội. Hoàn trả anh R 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện F;
- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện F;
- UBND xã Q, huyện W, t/p Hà Nội (Nay là UBND phường Q, quận M, t/p Hà Nội (theo GCNKH số 107/2013; quyền số 01/2013 ngày 15/10/2013);
- Các đương sự;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Vũ Quang W